

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH (KHÓA XIV)

thực hiện Nghị quyết 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

I. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

Qua gần 15 năm thực hiện Chương trình hành động số 20-NQ/TU, ngày 22/9/2008 của Tỉnh ủy (khóa XI) thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 05/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; tình hình nông nghiệp, nông dân, nông thôn trên địa bàn tỉnh có nhiều chuyển biến tiến bộ. Nông nghiệp phát triển khá toàn diện; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng tích cực; năng suất, chất lượng, hiệu quả ngày càng được nâng lên. Khai thác thủy sản xa bờ được đẩy mạnh gắn với bảo vệ an ninh, chủ quyền biển, đảo; sản xuất tôm giống Bình Thuận tiếp tục giữ vững thương hiệu. Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng được quan tâm chỉ đạo. Chương trình xây dựng nông thôn mới được triển khai tích cực, góp phần thay đổi bộ mặt nông thôn ngày càng khang trang hơn. Trình độ, kinh nghiệm sản xuất của nông dân ngày càng được nâng lên. Đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn tiếp tục được cải thiện, tỷ lệ hộ nghèo giảm mạnh. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở nông thôn được giữ vững. Vai trò lãnh đạo của các cấp ủy, chính quyền được tăng cường; dân chủ cơ sở được phát huy; niềm tin của người dân nông thôn đối với Đảng, Nhà nước và hệ thống chính trị ngày càng được củng cố, nâng cao.

Tuy nhiên, kinh tế nông nghiệp phát triển chưa vững chắc, chủ yếu theo mô hình kinh tế hộ nhỏ lẻ, phân tán; liên kết giữa sản xuất, chế biến, tiêu thụ còn nhiều hạn chế; sự tham gia và đầu tư của doanh nghiệp vào nông nghiệp, nông thôn còn ít; thị trường, giá cả tiêu thụ nông sản bấp bênh, kim ngạch xuất khẩu nông sản đạt thấp; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội khu vực nông nghiệp, nông thôn chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Kết quả thu hút đầu tư phát triển nông nghiệp, dịch vụ ở nông thôn còn ít. Công tác dự báo, thông tin về thị trường sản xuất, tiêu thụ nông sản và đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn còn hạn chế. Kết quả xây dựng nông thôn mới chưa bền vững.

Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém nêu trên chủ yếu là do: Nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của

nông nghiệp, nông dân và nông thôn chưa đầy đủ, chưa quan tâm đúng mức trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo. Việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn có lúc, có nơi còn lúng túng, chưa thật quyết liệt. Một số cơ chế, chính sách về đất đai còn bất cập. Đầu tư từ ngân sách nhà nước cho nông nghiệp, nông dân và nông thôn còn hạn chế; hiệu quả thu hút, sử dụng vốn đầu tư xã hội cho phát triển nông nghiệp, nông thôn chưa cao.

II. MỤC TIÊU, TẦM NHÌN

1. Mục tiêu đến năm 2030

- Tốc độ tăng trưởng GRDP ngành Nông nghiệp toàn tỉnh phấn đấu đạt bình quân từ 2,8 - 3,3%/năm; năng suất lao động nông nghiệp bình quân tăng từ 7 - 8%/năm.

- Tốc độ tăng trưởng công nghiệp, dịch vụ nông thôn phấn đấu đạt bình quân trên 10%/năm.

- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới trên 90%, trong đó có 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, có từ 10 - 25% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; có ít nhất 07 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó 03 đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

- Thu nhập bình quân của người dân nông thôn năm 2030 phấn đấu tăng từ 2 – 2,5 lần so với năm 2020.

- Phấn đấu tỷ lệ hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%.

- Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội dưới 30%; bình quân hằng năm đào tạo nghề khoảng 3.000 lao động nông thôn.

- Tỷ lệ che phủ rừng ổn định ở mức 43%, nâng cao năng suất, chất lượng rừng; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý theo quy định đạt 90%.

2. Tầm nhìn đến năm 2045

Nông dân và cư dân nông thôn Bình Thuận văn minh, phát triển toàn diện, có thu nhập cao. Phát triển nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, công nghiệp chế biến và bảo quản nông sản hiện đại, sản xuất hàng hoá quy mô lớn, bền vững, có giá trị gia tăng cao, gắn kết chặt chẽ với thị trường trong và ngoài nước. Xây dựng nông thôn hiện đại, có điều kiện sống tiệm cận với đô thị, môi trường sống xanh, sạch, đẹp, giàu bản sắc văn hoá truyền thống; quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm vững chắc.

III. NHỮNG NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nâng cao vai trò, vị thế, năng lực làm chủ, cải thiện toàn diện đời sống vật chất, tinh thần của nông dân và cư dân nông thôn

Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền nâng cao

nhận thức, năng lực, trình độ, học vấn cho nông dân và cư dân nông thôn; tạo điều kiện cho nông dân tiếp cận tiến bộ khoa học - công nghệ trong sản xuất, bảo quản, chế biến, tiêu thụ nông sản, làm giàu từ nông nghiệp, nông thôn. Đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp sang làm việc ở khu vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, du lịch, dịch vụ; thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn, tạo nhiều việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập cho cư dân nông thôn.

Bảo đảm quyền làm chủ của nông dân và cư dân nông thôn theo phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Phát huy tinh thần đoàn kết, tình làng, nghĩa xóm, tương thân, tương ái; đẩy mạnh phong trào nông dân khởi nghiệp, thi đua sản xuất kinh doanh, cùng nhau làm giàu, giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới.

Xây dựng gia đình hạnh phúc, cộng đồng dân cư vững mạnh, tham gia quản lý xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, y tế, văn hoá, thể thao cho nông dân và cư dân nông thôn. Thực hiện tốt chính sách dân số và phát triển; bảo đảm bình đẳng trong tiếp cận cơ hội phát triển, dịch vụ cơ bản ở khu vực nông thôn. Thực hiện tốt chính sách bình đẳng giới, phòng, chống xâm hại phụ nữ và trẻ em, nâng cao năng lực, vị thế của phụ nữ ở nông thôn. Thực hiện hiệu quả chính sách bảo hiểm, khuyến khích, nâng nhanh tỷ lệ nông dân tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế. Ưu tiên nguồn lực đầu tư đối với các huyện, xã có tỷ lệ hộ nghèo cao.

2. Phát triển nền nông nghiệp hiệu quả, bền vững theo hướng sinh thái, ứng dụng khoa học - công nghệ cao, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng

Tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 10/9/2021 của Tỉnh ủy (khóa XIV) về phát triển ngành nông nghiệp hiện đại, bền vững, có giá trị gia tăng cao.

Cơ cấu lại ngành kinh tế nông nghiệp bảo đảm thực chất, hiệu quả, khai thác và phát huy tiềm năng, lợi thế của địa phương. Hỗ trợ tích tụ, tập trung đất đai ở những nơi có điều kiện; phát triển nông nghiệp hiện đại, chuyên canh, bảo vệ môi trường sinh thái, bảo đảm an toàn thực phẩm dựa trên nền tảng ứng dụng khoa học, công nghệ cao và chuyên đổi số, cơ giới hoá, tự động hoá; gắn phát triển nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ, sản xuất với bảo quản, chế biến và tiêu thụ nông sản. Khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn, giảm phát thải khí nhà kính. Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng, hiệu quả chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP). Tiếp tục đầu tư, nâng cấp kết cấu hạ tầng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Đẩy mạnh sản xuất giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng

cao, khả năng thích ứng với điều kiện khí hậu; bảo tồn và phát triển giống bản địa có giá trị kinh tế cao. Phát triển mạnh kinh tế trang trại, kinh tế hợp tác; thúc đẩy liên kết, hợp tác trong sản xuất, tiêu thụ nông, lâm, thủy sản theo chuỗi giá trị, nâng cao giá trị gia tăng. Quản lý chặt chẽ chất lượng vật tư nông nghiệp, xây dựng các chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn, chất lượng, hiệu quả; nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh; xử lý nghiêm vi phạm trong sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm.

Về trồng trọt, chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp lợi thế và nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, hình thành các vùng sản xuất chuyên canh, quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao, sạch, hữu cơ đạt tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP..., có điều kiện kết hợp nông nghiệp với du lịch sinh thái. Đẩy mạnh áp dụng công nghệ, quy trình sản xuất tiên tiến, giảm sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc vô cơ; khuyến khích sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc hữu cơ, phát triển cây dược liệu, phấn đấu đưa cây dược liệu trở thành một trong những sản phẩm chủ lực của ngành nông nghiệp Bình Thuận.

Về chăn nuôi, phát triển chăn nuôi công nghiệp ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường. Kiên quyết di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu dân cư tập trung. Xử lý triệt để tình trạng sử dụng chất cấm, lạm dụng kháng sinh, hoá chất không rõ nguồn gốc trong chăn nuôi; tăng cường năng lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống thú y, đáp ứng yêu cầu phòng, chống dịch bệnh.

Về thủy sản, phát triển nghề cá có trách nhiệm, phù hợp với chuẩn mực và thông lệ quốc tế; nâng cao hiệu quả khai thác hải sản xa bờ, tổ chức tốt dịch vụ hậu cần nghề cá gắn với bảo vệ chủ quyền biển, đảo; đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản đa dạng theo điều kiện sinh thái từng vùng, tiếp cận và ứng dụng công nghệ cao tạo đột phá trong nuôi trồng thủy sản trên biển; tiếp tục giữ vững uy tín, chất lượng tôm giống Bình Thuận. Thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo vệ, tái tạo, phục hồi nguồn lợi thủy sản, bảo tồn hệ sinh thái biển gần bờ; ngăn chặn có hiệu quả tình trạng khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU). Tiếp tục đầu tư kết cấu hạ tầng thủy sản đồng bộ, hiện đại; ưu tiên khơi thông luồng lạch, xây dựng khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.

Về lâm nghiệp, tăng cường quản lý, bảo vệ, phát triển, phục hồi rừng tự nhiên, rừng phòng hộ, đầu nguồn, nơi có nguy cơ sạt lở; bảo tồn, phát triển những khu vực có rừng, cây tái sinh ven sông, ven biển (không phân biệt loại rừng, loại lâm sản). Bảo vệ nghiêm ngặt rừng đặc dụng và rừng phòng hộ, chú trọng phát triển rừng ven biển. Hình thành vùng nguyên liệu gỗ, nâng cao chất lượng rừng trồng, ưu tiên trồng rừng gỗ lớn có giá trị kinh tế cao gắn với phát triển công nghiệp chế biến gỗ và sản phẩm gỗ cao cấp.

Thực hiện tốt các quy định của Trung ương về phát triển kinh tế rừng, tạo

sinh kế, nâng cao thu nhập, đời sống của người dân sống ở khu vực có rừng, phát triển mô hình trồng cây dược liệu dưới tán rừng và các loại hình du lịch sinh thái. Rà soát, chuyển diện tích đất lâm nghiệp trên thực tế không có rừng sang đất sản xuất nông nghiệp, thủy sản kết hợp với sản xuất lâm nghiệp phù hợp với quy hoạch.

3. Phát triển mạnh công nghiệp, dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn

Xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả quy hoạch tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đẩy mạnh phát triển toàn diện, đồng bộ kinh tế nông thôn với cơ cấu nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ hợp lý, dựa trên khoa học - công nghệ, đổi mới, sáng tạo. Đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghiệp, dịch vụ, hình thành mạng lưới lưu thông, bảo quản, chế biến, logistics, thương mại điện tử ở nông thôn.

Phát triển mạnh công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phù hợp với quy hoạch và điều kiện cụ thể tại địa phương; ưu tiên thu hút đầu tư công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản. Tạo môi trường kinh doanh thuận lợi thu hút các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, tạo nhiều việc làm, nâng cao thu nhập cho lao động nông thôn.

Bảo tồn, phát triển các nghề truyền thống, làng nghề; phát triển đa dạng dịch vụ nông thôn, du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp, du lịch sinh thái. Xây dựng hạ tầng thương mại nông thôn đa dạng, đồng bộ, kết hợp hài hòa giữa thương mại truyền thống với thương mại hiện đại, phù hợp với từng địa bàn; rà soát, đầu tư, nâng cấp hệ thống chợ truyền thống đáp ứng nhu cầu của người dân.

4. Xây dựng nông thôn theo hướng hiện đại gắn với đô thị hóa

Triển khai hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025. Xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểm mẫu, bền vững gắn với đô thị hoá, bảo đảm thực chất, đi vào chiều sâu, hiệu quả, vì lợi ích của người dân. Quy hoạch, kiến trúc khu dân cư, công trình, nhà ở phù hợp với truyền thống văn hóa, cảnh quan, môi trường, điều kiện thực tế từng địa phương và thích ứng với biến đổi khí hậu. Cải thiện điều kiện sống, nhà ở, đổi mới tư duy, nếp sống, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa nông thôn và thành thị.

Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn đồng bộ, hiện đại, kết nối với đô thị, nhất là các khu vực ven đô thị lớn, thị trấn, từng bước tiệm cận về điều kiện hạ tầng, dịch vụ của đô thị; ưu tiên đầu tư vào các vùng khó khăn, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, xã bãi ngang, xã đảo, phân đầu không để chênh lệch lớn giữa các vùng. Nâng cấp, bảo đảm an toàn các công trình thủy lợi,

phòng, chống thiên tai, khu neo đậu tránh trú bão, kè chống sạt lở bờ sông, bờ biển. Xây dựng cảnh quan nông thôn xanh, sạch, đẹp, văn minh, phát huy bản sắc văn hoá truyền thống; khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, nhất là xử lý rác thải, nước thải. Huy động mạnh mẽ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; đẩy mạnh hình thức đầu tư theo phương thức đối tác công - tư (PPP).

5. Về chính sách nông nghiệp, nông dân, nông thôn

Cụ thể hóa, triển khai thực hiện có hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn phù hợp điều kiện thực tế của tỉnh

Xử lý triệt để những vướng mắc, tồn tại về đất đai có nguồn gốc từ nông, lâm trường. Tiếp tục sắp xếp, nâng cao hiệu quả hoạt động các doanh nghiệp nhà nước về lĩnh vực nông, lâm nghiệp.

Khuyến khích các tổ chức tín dụng cho vay đối với nông nghiệp, nông dân, nông thôn; hỗ trợ tín dụng cho hợp tác xã, doanh nghiệp nông thôn và hộ nông thôn; nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn tín dụng để đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh. Triển khai có hiệu quả chính sách tín dụng ưu đãi để giải quyết việc làm, chuyển đổi ngành nghề ở nông thôn. Phát huy vai trò của Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn trong việc cung cấp tín dụng đối với hộ sản xuất nông nghiệp, nhất là với hộ nghèo và các đối tượng chính sách.

6. Tạo đột phá trong nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; đào tạo nhân lực trong nông nghiệp, nông thôn

Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, nông dân nâng cao năng lực ứng dụng, tiếp nhận chuyển giao khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ cao, công nghệ sinh học, công nghệ thân thiện với môi trường; thực hiện chuyển đổi số toàn diện ngành nông nghiệp; thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động đổi mới sáng tạo, khoa học - công nghệ thực sự trở thành động lực quan trọng trong phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động khuyến nông, khuyến công theo hướng kết hợp giữa nhà nước với doanh nghiệp, chuyển đổi số trong sản xuất, kinh doanh và kết nối cung - cầu; trực tiếp chuyển giao công nghệ cho nông dân. Khuyến khích doanh nghiệp và người dân ứng dụng công nghệ cao; đẩy mạnh thương mại điện tử, truy xuất nguồn gốc và kiểm soát an toàn thực phẩm. Thực hiện tốt việc cập nhật số liệu vào cơ sở dữ liệu quốc gia về nông nghiệp, nông dân, nông thôn khi Trung ương triển khai.

Tạo đột phá trong phát triển nhân lực, đào tạo, nâng cao kỹ năng nghề đáp ứng yêu cầu cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn. Tăng

cường đào tạo nghề cho lao động nông thôn, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề, đáp ứng nhu cầu thị trường lao động gắn với giải quyết việc làm. Mở rộng quy mô, ngành nghề đào tạo phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, khoa học - công nghệ, quản trị kinh doanh đáp ứng nhu cầu lao động ở nông thôn, chuyển đổi nghề nghiệp và xuất khẩu lao động.

7. Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường nông thôn, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai

Quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, chuyển mạnh sang mô hình tăng trưởng xanh. Bảo vệ quỹ đất nông nghiệp cả về số lượng, chất lượng; quan tâm chống sạt lở bờ sông, bờ biển, xâm nhập mặn, thoái hoá đất. Bảo vệ, phát triển bền vững tài nguyên rừng, nguồn lợi thuỷ, hải sản và bảo tồn đa dạng sinh học.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Kết luận số 36-KL/TW, ngày 23/6/2022 của Bộ Chính trị (khóa XIII) về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Thực hiện tốt các quy định của Trung ương về thực hiện giảm phát thải khí nhà kính, khí metal và chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu trong nông nghiệp.

8. Chủ động hội nhập, hợp tác quốc tế, mở rộng thị trường, thu hút nguồn lực và đẩy mạnh chuyển giao khoa học - công nghệ

Chú trọng việc phát triển thị trường nông sản trong nước, giữ ổn định các thị trường truyền thống, mở rộng và đa dạng hoá thị trường xuất khẩu, tránh phụ thuộc vào một số ít thị trường, nhất là sản phẩm thanh long, thủy sản. Chuyển mạnh từ xuất khẩu tiểu ngạch sang xuất khẩu chính ngạch đối với các sản phẩm chủ lực; xã hội hóa xây dựng các trung tâm phân phối, trung chuyển hàng hoá, hệ thống kho, phương tiện bảo quản, đa dạng hoá phương thức vận tải.

Tăng cường công tác quảng bá, xúc tiến thương mại dựa trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số. Chủ động phòng, chống gian lận thương mại.

Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển nông nghiệp, nông thôn; khuyến khích đầu tư vào phát triển công nghiệp, dịch vụ phục vụ ở nông thôn.

9. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Nông dân, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp ở nông thôn

Tăng cường vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

Nâng cao năng lực, trách nhiệm của chính quyền và tổ chức bộ máy cơ quan quản lý nhà nước các cấp về nông nghiệp, nông dân, nông thôn bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ các cấp.

Phát huy vai trò, tạo điều kiện cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Nông dân, Liên minh Hợp tác xã tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp và cộng đồng dân cư trong tỉnh tham gia phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đảng đoàn, ban cán sự đảng, các huyện, thị, thành ủy và đảng ủy trực thuộc tiếp tục quán triệt Nghị quyết số 19-NQ/TW và Chương trình hành động này; trên cơ sở đó, căn cứ chức năng, nhiệm vụ, ban hành kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế để triển khai thực hiện.

2. Đảng đoàn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh Đoàn thanh niên, lãnh đạo xây dựng kế hoạch tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tham gia thực hiện Chương trình hành động này và phát huy vai trò giám sát, phản biện theo quy định.

3. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh lãnh đạo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành các chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn trên địa bàn tỉnh; giám sát việc thực hiện các chính sách, quy định của pháp luật để đảm bảo triển khai thực hiện Chương trình hành động này có hiệu quả.

4. Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Chương trình hành động này, thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện; định kỳ hàng năm báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy để theo dõi, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Các ban và Văn phòng TW Đảng,
- Ban Cán sự đảng Bộ Nông nghiệp - PTNT,
- Vụ II-Văn phòng TW Đảng tại T78,
- Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh,
- Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh,
- Đảng đoàn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam,
- các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh và
- Ban Thường vụ Tỉnh đoàn Thanh niên,
- Các sở, ban, ngành,
- Các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M TỈNH ỦY

BÍ THƯ

Dương Văn An